

Số: 40/2024/HSST

Ngày: 26 - 4 - 2024
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ
NGHĨA VIỆT NAM

NHÂN DÂN - I

Nước CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TOA

AN NHÂN DÂN THI XÃ CHON THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thúy
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Thu An
Ông Phạm Xuân Đỉnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Vi — Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Chun Thành, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chun Thành, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Chiêu — Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Chun Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 21/2024/HSST ngày 27 tháng 02 năm 2024, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/HSST-QĐ ngày 13/3/2024 đối với bị cáo:

LÝ HOANG V, Sinh năm 1990; Bạc Liêu; tên khác: Không; HKTT: Ấp P, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; nơi tạm trú: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Minh H, Sinh năm 1972 và con bà Lê Thị X, Sinh năm 1967; vợ: Hà Thanh L, Sinh năm 1988 (đã ly hôn); có 01 người con: Lý Ngọc T, Sinh năm 2008; tiền án; tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2003, Lý Hoàng V có hành vi gây rối trật tự công cộng bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Bạc Liêu áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng và đã chấp hành xong.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hỏi: Thị Thanh T, sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước. (có đơn Xin xét xử vắng mặt);

Lê Thị H, sinh năm 1991; HKTT: Khu phố A, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước. (có đơn Xin vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Vũ Phú C, Sinh năm 1996; địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; chồng: KP H, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Phước. (có đơn Xin xử vắng mặt);

NOI DUNG VỤ AN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và biên bản tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng năm 2019, Lý Hoàng V quen biết và chung sống như vợ chồng với chị Sơn Thị L1, sinh năm 1988, nơi cư trú: Ấp B, xã L, huyện P, tỉnh Bình Dương. V và chị L1 làm công nhân trong công ty TNHH L2 (gọi Công ty L2) thuộc Khu công nghiệp M, địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện C (nay là khu phố C, phường M, thị xã C), tỉnh Bình Phước. Khoảng tháng 9/2019, V cùng chị L1 góp tiền mua xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen vàng, biển số kiểm soát: 93B1-043.46, SK: 656557, SM: 656570 với giá 11.500.000 đồng (Mười một triệu năm trăm ngàn đồng). Trong đó, V góp 5.000.000 đồng và chị L1 góp 6.500.000 đồng, tại cửa hàng mua bán xe máy cũ H, địa chỉ: Khu phố B, phường M, thị xã C.

Ngoài ra, V còn quen biết chị Thị Thanh T1, sinh năm 1992, nơi cư trú: Ấp T, xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước và chị Lê Thị H1, sinh năm 1991, nơi thường trú: Khu phố A, phường M, thị xã C cùng làm việc trong công ty L2.

Khoảng tháng 7/2019, chị H1 nhờ V vay số tiền 3.000.000 đồng. Khoảng tháng 9/2019, chị T1 nhờ V số tiền 2.000.000 đồng thì V nhờ Phú C1, sinh năm 1996, nơi thường trú: Ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cùng làm việc trong Công ty L2 hỏi vay từ chị T1 và chị H1. C1 nói không có tiền và giới thiệu V gặp chị H2 (không rõ nhân thân, lai lịch) để vay tiền từ chị H1 và chị T1. H2 đồng ý cho chị H1 vay số tiền 3.000.000 đồng và cho chị T1 vay 2.000.000 đồng. Thỏa thuận lãi 12%/01 tháng/1.000.000 đồng, H2 giữ thẻ ngân hàng S và Giấy chứng minh nhân dân của chị T1 và chị H1. Ngày 10 và ngày 25 hàng tháng, Công ty L2 trả tiền lương, chuyển vào tài khoản ngân hàng S của chị T1 và chị H1 thì H2 sẽ đến trụ ATM rút toàn bộ số tiền này. Sau đó, chị H2 có khi là C1 đi rút tiền xong rồi trừ tiền lãi và đưa toàn bộ số tiền còn lại của chị H1 và chị T1 cho C1. C1 đưa số tiền này cho V rồi V sẽ đưa lại số tiền này cho chị H1 và chị T1.

Ngày 10/01/2020, Công ty L2 chi lương tháng 12 cho chị T1 02 lần (lần 1 là 3.777.000 đồng và lần 2 là 1.399.000 đồng) và chị H1 02 lần (lần 1 là 4.068.000 đồng và lần 2 là 1.726.000 đồng). Ngày 10/01/2020, thẻ ATM của chị H1 bị rút 5.800.000 đồng và ngày 12/01/2020, thẻ ATM của chị T1 bị rút 5.200.000 đồng. Sau khi trừ tiền lãi 15 ngày, ngày 10/01/2020 C1 đưa hết số tiền còn lại của chị H1 là 5.620.000 đồng và ngày 12/01/2020, C1 đưa hết số tiền còn lại của chị T1 là 5.050.000 đồng cho V. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền, V không đưa lại số tiền đó cho chị H1 và chị T1 mà chiếm đoạt luôn. Ngày 13/01/2020, chị L1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, biển kiểm soát 93B1-143.46, có Giấy chứng nhận đăng ký đứng tên chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1987, địa chỉ: Tổ F, ấp F, xã M, huyện (thị xã) C. Đây là xe do chị L1 và V cùng mua với giá 11.500.000 đồng nên Công ty L2 làm thì gặp V. V muốn xe của chị L1 đi công việc thì chị L1 đồng ý. Sau đó, V lấy xe chạy đến cửa hàng X1 bán xe mô tô biển kiểm soát 93B1-143.46 với giá 10.000.000 đồng và cầm số tiền của chị H1 là 5.620.000 đồng và chị T1 số tiền 5.050.000 đồng rồi bỏ trốn và dùng tiền vào mục đích tiêu xài cá nhân.

Ngày 15/01/2020, chị L1, chị H1 và chị T1 đến Đơn Công an khu Công nghiệp M tố giác V về hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Ngày 31/3/2020 và ngày 04/6/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã C đã ra thông báo truy người Lý Hoàng Vũ. Quá trình bỏ trốn, V đi về miền T (Bạc Liêu) noi vo và con V Sinh sông để tránh né HI và T l .

Ngày 05/6/2020, Cơ quan CSĐT Công an thị xã C ra Quyết định tạm đình chỉ giải quyết nguồn tin về tội Phạm.

Ngày 25/9/2023, Lý Hoàng V đến Cơ quan CSĐT Công an thị xã C làm việc và khai nhận toàn bộ hành vi Phạm tội của mình như đã nêu trên (Bút lục số 46-50, 5457, 65-75, 76-81, 82-100, 112).

Ngày 25/9/2023, Cơ quan CSĐT Công an thị xã C ra Quyết định phục hồi giải quyết nguồn tin.

Về tam giữ đồ vật, tài liệu và Xir lý vật chứng: Không.

Về trách nhiệm dân sự:

Chi Thi Thanh Tl đã nhận lại số tiền 5.080.000 đồng và chi Lê Thi HI đã nhận lại 5.620.000 đồng, chi Tl và chi HI không yêu cầu bồi thường gì khác

Bản cáo trạng số 27/CTr-VKS, ngày 27/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chun Thành, tỉnh Bình Phước đã truy tố bị cáo Lý Hoàng V về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" được quy định tại khoản I Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chun Thành, tỉnh Bình Phước giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại cơ quan điều tra cùng như tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi Phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản I Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản I Điều 52; Điều 38, 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo mức án từ 06 đến 12 tháng tù.

Tại phiên tòa: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi Phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chun Thành, tỉnh Bình Phước đã truy tố và không có ý kiến gì khác.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức hành vi của mình sai trái và rất hối hận. Bị cáo kính mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo do bị cáo còn mẹ già và đang nuôi con đi học.

NHÂN ĐỊNH của TÒA AN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tội danh của Cơ quan điều tra Công an thị xã C, tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chun Thành, tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố

tung, người tiên hành tô tung. Do đó, các hành vi, quyết định tô tung của cơ quan tiên hành tô tung, người tiên hành tô tung đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Do bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn Xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản I Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, thì sự vắng mặt của những người này không trở ngại cho việc xét xử nên HĐXX tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai tại cơ quan Điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án cùng như qua phân xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Lý Hoàng V có quen biết với chị Thi Thanh T l, chị Lê Thị Hl nên khoảng tháng 7/2019 Hl nhờ V vay số tiền 3.000.000đ; khoảng tháng 9/2019 chị Tl nhờ V vay số tiền

2.000.000đ. V đã gặp Võ Phú Cl là người làm Chung công ty với V đề hỏi vay từ chị Tl và chị Hl. Cl giới thiệu V đến gặp chị 1--12 (không rõ nhân thân, lai lịch) đề vay tiền cho Hl và T l. Sau đó 1-12 đồng ý cho Hl vay 3.000.000đ, cho Tl vay 2.000.000đ, thỏa thuận lãi suất 12%/tháng 1.000.000đ, 1-12 giữ thẻ ngân hàng và giấy chứng minh nhân dân của Tl và Hl. Đến ngày 10 và 25 hàng tháng khi công ty L2 chuyển tiền lương vào tài khoản của chị Tl và Hl thì 1-12 sẽ đến tru ATM rút toàn bộ số tiền này. Sau đó 1-12 và có khi là Cl đi rút tiền xong rồi trừ tiền lãi và đưa toàn bộ số tiền còn lại của Hl và Tl cho Cl, Cl đưa số tiền này cho V rồi V sẽ đưa lại cho Hl và T l. Đến ngày 10/01/2020 Cl đưa số tiền rút từ thẻ của Hl là 5.620.000đ và ngày 12/01/2020 Cl đưa số tiền rút từ thẻ của Tl là 5.050.000đ cho V nhờ V đưa lại cho Tl và Hl. Tuy nhiên V đã không đưa lại cho Tl và Hl mà V đã chiếm đoạt rồi bỏ trốn. Hành vi của Lý Hoàng V đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản I Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Hành vi Phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo Phạm tội với lỗi Cố ý, bị cáo đủ tuổi Chiu trách nhiệm hình sự; bị cáo có năng lực nhận thức và điều khiển hành vi. Do đó có đủ cơ sở kết luận Cáo trạng số 27/CTr-VKS, ngày 27/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chun Thành, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[4.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Do bị cáo chiếm đoạt số tiền của Hl và T l, số tiền mỗi lần đều đủ để truy cứu trách nhiệm hình sự nên bị cáo phải Chiu tình tiết tăng nặng "phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho người bị hại và được bị hại có đơn Xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản I và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy, mặc dù bị cáo đã ăn năn hối cải, đã bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho bị hại và Xin HĐXX cho hưởng án treo. Tuy nhiên, bị cáo bị áp dụng tình tiết

tăng nang " phqm tôi từ 02 lần tra lên Hon nũa, sau khi Pham tôi bị cáo dầ bỏ trốn khỏi địa phuung, cu trú nhiều nơi, không ôn dinh nên không đủ căn cứ để được hưởng án treo.

Tuy vậy, do bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ như đã phân tích ở trên, nên HĐXX xét thấy: Căn cứ khung hình phạt quy định tại khoản I Điều 175 Bộ luật hình sự quy định về mức hình phạt đối với tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" nên cần áp dụng mức hình phạt thấp nhất theo quy định của khung hình phạt được áp dụng với hành vi Phạm tội mà bị cáo đã thực hiện để bị cáo có thời gian cải tạo, giáo dục trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 175 Bộ luật Hình sự có quy định: "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng". Tuy nhiên, bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định và có đơn Xin xác nhận hoàn cảnh khó khăn là lao động chính trong gia đình được chính quyền địa phương xác nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Chi Thị Thanh Tl đã nhận lại số tiền 5.080.000 đồng và chi Lê Thị HI đã nhận lại 5.620.000 đồng, chi Tl và chi HI không yêu cầu bồi thường gì khác.

Đối với số tiền mà Cl cho mượn cho V để cho chi HI và chi Tl vay. Cl đã nhận lại 2.000.000 đồng từ chi Tl và 3.000.000 đồng từ chi HI. Cl không yêu cầu thêm nên không xem xét giải quyết.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chun Thành, tỉnh Bình Phước về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt là có căn cứ, phù hợp với nhân tính của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Các vấn đề khác trong vụ án:

Đối với chi Sơn Thị Ll: Ll và Lý Hoàng V Chung sống với nhau như vợ chồng và cùng góp Chung tiền mua xe mô tô biển số 93B 1-143.46. Sau đó, V mang xe mô tô biển số 93B1-143.46 đi bán lấy tiền tiêu xài khi chưa được sự đồng ý của chi Ll. Tuy nhiên, đây là tranh chấp dân sự, không có dấu hiệu tội Phạm và V đã trả lại chi Ll số tiền 6.500.000 đồng, nay chi Ll không có yêu cầu gì khác nên không xử lý.

Đối với Vợ Phú Cl: Cl cùng 1-12 cho chi HI và chi Tl vay tiền. Cl và 1-12 đã thu lãi và thu lợi bất chính từ số tiền cho chi HI và chi Tl vay. Tuy nhiên, số tiền thu lợi bất chính dưới 30.000.000 đồng. Do đó, hành vi của Cl không đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Đồng thời, hành vi của 1-12 và Cl không có cơ sở để xử lý vì Phạm hành chính theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 11 Nghị định số 167 2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Đối với 1--12 là người cùng Cl cho chi HI và chi Tl vay tiền: Quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch của 1-12 nên không xem xét xử lý theo quy định.

[9] Áp dụng hình sự so thẩm bị cáo phải Chiu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ diêm a Khoản I Điều 175; diêm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; diêm g khoản I Điều 52; Điều 38,50 Bộ luật hình sự.

I.Về tQì danh: Tuyên bố bị cáo Lý Hoàng V Pham tôi "Lam dung tin nhiệm chiêm doat tài sản".

2. Về hình phạt:

Xuất phát bị cáo Lý Hoàng V 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự, khoản I Điều 23 Nghị quyết 326 2016/UBTVQH14 ngày 30/12 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự so thẩm bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được công bố.

CÁC HỘI THAM NHÂN DÂN THAM PHÁN CHỦ TOA PHIÊN TOA

Lucretia Thi Thu An Phạm Xuân k)

Thị T3

Nội nhân:

- TAND tỉnh Bình Phước

- VKSND tỉnh Bình Phước

- VKSND thị xã Chun Thành; -
CCTHADS thị xã Chun Thành;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SO THAM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

.CA thi xà Chun Thành;
.UBND noi cu trú của bi cáo; -
Người tham gia tô tung;
- Lưu.

Duong Thi Thúy

